

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

LÊ VĂN HINH

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH
LIÊN KẾT TẠI
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2024

Công trình được hoàn thành tại Trường Đại học Sài Gòn

Tập thể người hướng dẫn:

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Y; Nơi công tác: Học viện Cán bộ TP.HCM;
2. PGS.TS Đỗ Đình Thái; Nơi công tác: Trường Đại học Sài Gòn.

Luận án được đánh giá trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở đào tạo vào ngày 08/11/2024.

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	ii
1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI	iv
2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU.....	vii
3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU	vii
4. CÂU HỎI NGHIÊN CỨU	vii
5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU.....	viii
6. PHẠM VI NGHIÊN CỨU.....	viii
7. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	viii
8. ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN	xi
9. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN.....	xii
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC.....	1
1.1 TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ	1
1.2 CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN.....	2
1.3 LÝ LUẬN HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC.....	3
1.4 LÝ LUẬN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC.....	4
1.5 CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC	7
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	8
2.1 KHÁI QUÁT VỀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	8

2.2	TỔ CHỨC KHẢO SÁT THỰC TRẠNG.....	8
2.3	THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	9
2.4	THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC.....	9
2.5	CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT	10
2.6	ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG.....	10
	CHƯƠNG 3 BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TẠI ĐẠI HỌC	13
	QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	13
3.1	CÁC NGUYÊN TẮC ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP	13
3.2	CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ ĐỀ XUẤT NHẪM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	13
3.3	KHẢO NGHIỆM TÍNH CẤP THIẾT VÀ KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP ĐỀ XUẤT.....	14
3.4	THỰC NGHIỆM MỘT BIỆN PHÁP ĐỀ XUẤT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT (ĐHQG-HCM)	14
1.	KẾT LUẬN.....	16
2.	KHUYẾN NGHỊ.....	16
	DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN CỦA TÁC GIẢ.....	17

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Hoạt động đảm bảo chất lượng (ĐBCL) giáo dục là hoạt động vô cùng quan trọng trong quản lý giáo dục nhằm đảm bảo việc hiện thực hoá các nội dung ĐBCL có kết quả cao. Hiện nay, các hoạt động ĐBCL được phổ biến tại nhiều quốc gia, bởi đó là hoạt động cần thiết để hiện thực hoá các nội dung ĐBCL, duy trì và nâng cao các chuẩn mực chất lượng dạy và học (Nguyễn Thành Nhân, 2017). Điều này được thể hiện rất rõ qua các văn bản của quốc hội và chính phủ.

Luật GDĐH năm 2018 do Quốc hội ban hành (Quốc hội, 2018), Điều 49 nêu rõ mục tiêu, nguyên tắc và đối tượng kiểm định chất lượng giáo dục đại học (GDĐH) như: (1) Bảo đảm và nâng cao chất lượng GDĐH; (2) Xác nhận mức độ cơ sở GDĐH hoặc chương trình đào tạo (CTĐT) đáp ứng mục tiêu GDĐH trong từng giai đoạn nhất định; (3) Làm căn cứ để cơ sở GDĐH giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo; (4) Làm cơ sở cho người học lựa chọn cơ sở GDĐH, CTĐT và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực; (5) Độc lập, khách quan, đúng pháp luật; trung thực, công khai, minh bạch, bình đẳng, bắt buộc, định kỳ. Đối tượng kiểm định chất lượng GDĐH: Cơ sở GDĐH và Chương trình đào tạo các trình độ của GDĐH.

Điều 50, Luật GDĐH, 2018 (Luật Giáo dục đại học, 2018) về Trách nhiệm của cơ sở GDĐH trong việc đảm bảo chất lượng GDĐH: (1) Thành lập tổ chức chuyên trách về bảo đảm chất lượng GDĐH. (2) Xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng GDĐH. (3) Tự đánh giá, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định cơ sở GDĐH. (4) Duy trì và phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, gồm: Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên; CTĐT, giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập; Phòng học, phòng làm việc, thư viện, hệ thống công nghệ thông tin, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, ký túc xá và các cơ sở dịch vụ khác; (5) Nguồn lực tài chính. (6) Công bố công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của cơ sở GDĐH và phương tiện thông tin đại chúng.

Theo Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 của Thủ tướng Chính

phủ (Thủ tướng Chính phủ, 2022) phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 - 2030”, với mục tiêu chung là phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng GDDH và cao đẳng sư phạm Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng Khung bảo đảm chất lượng ASEAN, góp phần quan trọng thúc đẩy tự chủ GDDH, nâng cao chất lượng GDDH và cao đẳng sư phạm; mục tiêu cụ thể giai đoạn 2022-2025 là hoàn thành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong với mục tiêu, chính sách, nguồn lực, nhiệm vụ, kế hoạch, các quy trình bảo đảm chất lượng và hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo trong từng giai đoạn trên cơ sở các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trong nước và nước ngoài. Ngoài ra, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng ban hành Thông tư 38 và Thông tư 04 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2016) về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH.

Việc thực hiện quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết (ĐBCL CTLK) nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên có liên quan đóng một vai trò cực kỳ quan trọng, nó giúp cho các nhà quản lý kiểm soát tốt việc ĐBCL, thực hiện đúng cam kết về chương trình đối với người học, giúp giảng viên giảng dạy trong chương trình thực hiện đúng chức trách và nhiệm vụ giảng dạy của mình nhằm đáp ứng mong đợi cao nhất về chất lượng chương trình đang được triển khai, giúp sinh viên (SV) theo học chương trình được học trong điều kiện tốt nhất, bằng cấp được bảo đảm. Đồng thời, việc thực hiện quản lý hoạt động ĐBCL CTLK là phương thức bảo vệ người học, là trách nhiệm giải trình với các bên có liên quan, quản lý hoạt động này tốt là cam kết của phía đối tác Việt Nam trong việc triển khai các chương trình hợp tác với các đối tác nước ngoài. Và sau cùng, ĐBCL CTLK nhằm mục đích nâng cao chất lượng GDDH Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng trên diễn đàn quốc tế.

Hiện tại ngày càng có sự đa dạng về nhu cầu theo học các chương trình tiên tiến, hiện đại của các trường đại học, các nước phát triển được phép triển khai tại Việt Nam, nhiều CTLK đã được MOET cấp phép cho các trường đại học tại Việt Nam theo Nghị định 86 của Chính phủ Quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong

lĩnh vực giáo dục (Nghị định 86). Hiện cả nước có 299 chương trình liên kết đào tạo (CTLK) do Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET) cấp phép (Cục Công nhận văn bằng, 2023) với tổng số SV đang theo học là gần 25.000 SV (Báo Dân Trí, 2022). Bên cạnh đó, 2 đại học quốc gia (ĐHQG): Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy chế hoạt động được chính phủ ban hành, cả 2 Đại Học Quốc Gia được cấp phép mở CTLK cho các đơn vị thành viên và trực thuộc để triển khai các chương trình hợp tác với đối tác.

Trong bối cảnh đó, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) đang triển khai một số lượng lớn với tổng số 80 CTLK (Tài liệu Hội nghị thường niên ĐHQG-HCM 2023, bao gồm 59 CTLK trình độ cử nhân và 21 CTLK trình độ sau đại học). Các chương trình này tập trung chủ yếu từ cử nhân cho đến thạc sỹ với nhiều đối tác truyền thống như Anh, Úc, Hoa Kỳ, Pháp và New Zealand. Việc triển khai một số lượng lớn các CTLK đang được giảng dạy tại ĐHQG-HCM tác động không nhỏ đến việc quản lý liên kết giáo dục, đặc biệt là việc thực hiện ĐBCL CTLK trong bối cảnh ngày càng có CTLK từ nhiều đối tác khác nhau. ĐBCL CTLK nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của hệ thống ĐHQG-HCM, thể hiện đúng vai trò nòng cốt của ĐHQG-HCM trong hệ thống GDĐH Việt Nam. Hiện các CTLK được ĐHQG-HCM xét duyệt thông qua cơ chế thành lập hội đồng bao gồm các ban chức năng, các đơn vị có liên quan như Trung tâm khảo thí và đánh giá chất lượng đào tạo, các chuyên gia của ngành sẽ mở cùng nhau đánh giá CTLK và thông qua việc cho phép (hoặc không cho phép) các đơn vị của ĐHQG-HCM được phép triển khai CTLK. Cơ chế về ĐBCL CTLK chưa được chú trọng khi các CTLK hoàn toàn do phía đối tác cung cấp, thông qua ĐBCL cho chương trình và được công nhận về mặt chất lượng do các cơ quan có thẩm quyền tại nước sở tại xác nhận. Cơ chế bảo vệ người học khi bằng cấp của chương trình không được công nhận tại Việt Nam (Báo chính phủ, 2016) như chương trình UBI do đối tác Bỉ cung cấp trong thời gian qua là đáng báo động. Hiện tại Việt Nam chưa có đơn vị nào có chức năng, thẩm quyền tiến hành kiểm định chương trình liên kết do đối tác cung cấp như việc thực hiện kiểm định các chương trình đào tạo trong nước theo các chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chuẩn AUN, chuẩn HCRES, chuẩn ABET, chuẩn FIBAA...

Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài “Quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh” là hết sức cần thiết, đề tài đóng góp cơ sở lý luận cho việc thực hiện ĐBCL CTLK trong hệ thống GDĐH của Việt Nam, đánh giá thực trạng ưu điểm và hạn chế của hoạt động ĐBCL CTLK, các cải tiến, các ưu điểm cũng như khuyết điểm của hoạt động này, nâng cao chất lượng đào tạo đối với CTLK. Việc nghiên cứu này giúp hệ thống ĐHQG-HCM, các trường đại học thành viên của ĐHQG-HCM có đánh giá tổng quan trong việc thực hiện ĐBCL CTLK, hoạt động ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM và ứng dụng cho tình hình thực tế tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về quản lý hoạt động ĐBCL CTLK ở trường đại học và khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM, từ đó đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM nhằm nâng cao chất lượng CTĐT.

3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khách thể

Hoạt động ĐBCL CTĐT tại trường đại học.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM

4. CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

Câu hỏi nghiên cứu 1: Thực trạng hoạt động ĐBCL CTLK đào tạo được đánh giá như thế nào?

Câu hỏi nghiên cứu 2: Thực trạng quản lý hoạt động ĐBCL CTLK CTLK tại ĐHQG-HCM được đánh giá như thế nào?

Câu hỏi nghiên cứu 3: Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý ĐBCL CTLK như thế nào ?

Câu hỏi nghiên cứu 4: Biện pháp quản lý ĐBCL CTLK như thế nào?

Câu hỏi nghiên cứu 5: Nếu tổ chức chương trình tập huấn cho nhóm cán bộ quản lý và nhóm giảng viên về ĐBCL CTLK thì hiệu quả quản lý ĐBCL CTLK có

tốt hơn không?

5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

5.1. Nghiên cứu vấn đề lý luận về ĐBCL CTLK và quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại trường đại học

5.2. Đánh giá thực trạng hoạt động ĐBCL CTLK và quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM.

5.3. Đề xuất biện pháp quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM và khảo sát tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất.

5.4. Thực nghiệm một biện pháp đã đề xuất.

6. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

6.1. Về nội dung

Luận án tập trung nghiên cứu hoạt động ĐBCL CTLK bậc đại học theo các yếu tố đầu vào, quá trình, đầu ra (IPO). Nghiên cứu công tác quản lý hoạt động ĐBCL CTLK ở trường đại học theo chu trình PDCA.

6.2. Về khách thể khảo sát

Khảo sát nhóm cán bộ quản lý (giám đốc các trung tâm/viện đào tạo quốc tế, cán bộ quản lý các CTLK, cán bộ quản lý cấp phòng, ban, khoa có liên quan); Nhóm giảng viên (giảng dạy CTLK); Nhóm SV (người học CTLK).

6.3. Về thời gian

Các số liệu thống kê phục vụ cho khảo sát được thu thập trong 3 năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022.

7. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

7.1. Phương pháp tiếp cận

7.1.1 Phương pháp tiếp cận hệ thống

Để ĐBCL CTLK cần phải kết hợp hài hòa các yếu tố tác động đến việc ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK trong 1 hệ thống hoàn chỉnh từ nhận thức của các bên có liên quan đến lúc thực hiện được việc ĐBCL CTLK, việc quản lý hoạt động ĐBCL CTLK. Các bước cụ thể triển khai là: (1) Xác định việc ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK là cần thiết, (2) xây dựng chương trình và quy trình để đạt được, việc ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK, (3) xây dựng nguồn

lực để đạt được mục tiêu, (4) xác định các yếu tố rào cản và loại bỏ và (5) xây dựng quy trình cải tiến liên tục.

7.1.2 Phương pháp tiếp cận lịch sử - logic

Quá trình nghiên cứu bám sát thực tiễn về việc ĐBCL CTLK và quản lý hoạt động ĐBCL CTLK. Tiến hành so sánh việc ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK ở nhiều nước khác nhau, nhiều quan điểm khác nhau của các tác giả khác nhau.

7.1.3 Phương pháp tiếp cận thực tiễn

Quá trình nghiên cứu bám sát thực tiễn ĐBCL CTLK, ghi nhận những ưu điểm và những hạn chế trong thực tiễn thực hiện hoạt động ĐBCL CTLK và thực tiễn quản lý hoạt động ĐBCL CTLK, từ đó có cơ sở để đề xuất các biện pháp quản lý một cách khoa học và khả thi.

7.1.4 Phương pháp tiếp cận theo PDCA trong quản lý đảm bảo chất lượng chương trình liên kết

Plan: Lập kế hoạch: Xác định được các vấn đề cần thiết để thực hiện việc ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK, đồng thời xác định mục tiêu cần giải quyết cho việc ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK, xác định các hành động cần thiết để giải quyết việc ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK trong thời gian tới và sau cùng là cần huy động nguồn lực như thế nào để giải quyết vấn đề nêu trên.

Do: Triển khai: Phổ biến việc triển khai Plan đến từng bộ phận để tiến hành việc ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK.

Check: Kiểm tra: Trường tổ chức việc đánh giá việc triển khai các công tác ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK, xác nhận tiến độ hoàn thành so với mục độ mong muốn trên thực tế, so với kế hoạch đặt ra. Quá trình kiểm tra phát hiện những vấn đề phát sinh trong việc ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK để có những biện pháp khắc phục phù hợp.

Act: Cải tiến: Hành động loại bỏ những rào cản, bổ sung, điều chỉnh những chi tiết cần thiết, bổ sung những cái còn thiếu để ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK

7.2 Nhóm phương pháp nghiên cứu

7.2.1 Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Mục đích: Nghiên cứu các tài liệu nhằm rút ra các lý thuyết về ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK.

Nội dung: Sử dụng các phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, phân loại và hệ thống hóa các vấn đề nghiên cứu lý luận trong các văn bản, tài liệu trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động ĐBCL CTLK trình độ đại học để xây dựng khung lý luận về quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM.

7.2.2 Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.2.1 Nhóm phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Mục đích: Thu thập thông tin về thực trạng hoạt động ĐBCL CTLK, thực trạng quản lý ĐBCL CTLK; Khảo sát tính cấp thiết, tính khả thi của các biện pháp đề xuất và khảo sát kết quả thực nghiệm.

Nội dung: Khảo sát thực trạng hoạt động ĐBCL CTLK, thực trạng quản lý ĐBCL CTLK; Khảo sát tính cấp thiết, tính khả thi của các biện pháp đề xuất và khảo sát kết quả thực nghiệm

Cách thức thực hiện: Thiết kế các bảng hỏi, gửi bảng hỏi online và bảng giấy đến 3 nhóm đối tượng là nhóm CBQL, nhóm GV và nhóm SV, sau đó tiến hành phân tích các dữ liệu thu được. Nếu dữ liệu không đủ, tác giả tiến hành phương pháp phỏng vấn sâu.

7.2.2.2 Phương pháp phỏng vấn sâu

Mục đích: nhằm làm rõ hơn thông tin định lượng thu được từ bảng hỏi về thực trạng ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động tại ĐHQG-HCM.

Nội dung: Phỏng vấn chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, SV liên quan đến ĐBCL CTLK và quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại trường đại học, xin ý kiến về việc quản lý hoạt động ĐBCL CTLK. Nội dung phỏng vấn xoay quanh các vấn đề nghiên cứu về ĐBCL CTLK, nhận thức của các đối tượng có liên quan về việc ĐBCL CTLK.

Cách thức thực hiện: Thiết kế bảng hỏi phỏng vấn, hẹn gặp nhóm CBQL và nhóm GV để nêu lên mục đích của cuộc phỏng vấn, tiến hành ghi âm các cuộc phỏng vấn và xử lý dữ liệu theo phương pháp xử lý dữ liệu định tính.

7.2.2.3 Phương pháp xử lý dữ liệu

- Xử lý dữ liệu định lượng

Sử dụng phương pháp thống kê toán học để xử lý các số liệu, kết quả nghiên cứu thu thập được trong quá trình nghiên cứu. Xử lý và phân tích kết quả nghiên cứu sử dụng bằng phần mềm Excel, SPSS. Dữ liệu định lượng được áp dụng để phân tích các chỉ số thống kê như tính tần số, tỉ lệ %, đối chiếu, tương quan vv...

- Xử lý dữ liệu định tính

Dữ liệu thu được từ phương pháp phỏng vấn sâu, so sánh, phân tích, tổng hợp các câu trả lời phỏng vấn của CBQL, GV để làm rõ hơn thực trạng.

7.3. Phương pháp nghiên cứu hồ sơ

Mục đích: thu thập các thông tin liên quan đến cơ sở lý thuyết của đề tài, kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài đã được công bố, chủ trương chính sách liên quan đến đề tài và các số liệu thống kê.

Cách thức thực hiện: Tra cứu các báo cáo tổng kết, kế hoạch, hồ sơ có liên quan về ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK. Tổng hợp các hồ sơ liên quan trước đó và tìm ra khoảng trống nghiên cứu cho luận án của tác giả.

7.4. Phương pháp thực nghiệm

Mục đích: thực nghiệm một biện pháp đề xuất nhằm khẳng định mức độ hiệu quả, độ tin cậy của kết quả nghiên cứu, của biện pháp triển khai.

Nội dung: thực nghiệm biện pháp đo lường nhận thức của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng trước và sau thực nghiệm.

Cách thức thực hiện: tiến hành tập huấn cho nhóm CBQL và GV về các văn bản, quy định về ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK

8. ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

8.1. Về lý luận

Nghiên cứu lý luận về quản lý hoạt động ĐBCL CTLK trình độ đại học tại trường đại học, từ đó hình thành khung cơ sở lý luận về hoạt động ĐBCL CTLK và quản lý hoạt động ĐBCL CTLK ở trường đại học theo chu trình PDCA.

8.2. Về thực tiễn

Làm rõ thực trạng ĐBCL và quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại các trường đại học thành viên ĐHQG-HCM. Đề xuất được các biện pháp quản lý ĐBCL CTLK

trình độ đại học và vận dụng các mô hình CTLK phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh vào ĐHQG-HCM, các trường thành viên. Làm sáng tỏ hiệu quả biện pháp nâng cao nhận thức quản lý hoạt động CTLK trình độ đại học đã đề xuất tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM.

9. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Ngoài các nội dung trình bày theo quy định gồm mở đầu, kết luận và kiến nghị, danh mục công trình khoa học của tác giả liên quan đến luận án, tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án được chia thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động ĐBCL CTLK trường đại học.

Chương 2: Thực trạng quản lý hoạt động ĐBCL CTLK trình độ đại học tại ĐHQG-HCM.

Chương 3: Biện pháp quản lý hoạt động ĐBCL CTLK trình độ đại học tại ĐHQG-HCM.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1.1 TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

1.1.1. Các nghiên cứu về hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết ở trường đại học

UNESCO (2010) các tiêu chí được sử dụng trong đánh giá bên ngoài bao gồm đặc điểm đầu vào và quá trình cũng như kết quả học tập. UNESCO có một số văn bản quy phạm có liên quan trực tiếp đến việc ĐBCL. Có thể đề cập đến một số văn bản cụ thể là: (1) Công ước khu vực của UNESCO về công nhận các nghiên cứu, các chứng chỉ và bằng cấp trong giáo dục đại học; (2) Công thông tin UNESCO của các tổ chức giáo dục đại học được công nhận; (3) Hướng dẫn của UNESCO - OECD về cung cấp chất lượng giáo dục đại học xuyên biên giới; (4) Bộ công cụ của UNESCO - APQN về quy định giáo dục đại học xuyên biên giới. (5) Hai công cụ quy chuẩn đầu tiên đề cập đến việc công nhận văn bằng / trình độ chuyên môn và hai công cụ khác liên quan đến ĐBCL giáo dục đại học xuyên biên giới (Molly, 2011).

1.1.2 Các nghiên cứu về đảm bảo chất lượng chương trình liên kết ở trường đại học

ĐBCL luôn luôn là một thách thức với các CTLK (Hou và cộng sự, 2016, Kallo và Semchenko, 2016). Hai nỗi lo về ĐBCL CTLK là liệu trường nước ngoài và đối tác Việt Nam cung cấp một trường đào tạo tốt cho học viên và liệu chất lượng đáp ứng các tiêu chí tối thiểu của cơ quan ĐBCL (Hou và cộng sự, 2016). Về nguyên tắc, để thực hiện ĐBCL CTLK, chương trình gốc phải được kiểm định ở nước cấp bằng, và/hoặc được kiểm định bởi nước cấp bằng, hoặc nước tiếp nhận hoặc các cơ quan kiểm định quốc tế (Trifro, 2018). Các trường có CTLK cần có cơ chế ĐBCL cho các chương trình mà mình đang triển khai. Các trường nhận thức việc ĐBCL nội bộ cho CTLK là nhân tố then chốt quyết định việc CBQL, GV xác nhận việc giảng dạy và đánh giá nên được thực hiện thường xuyên. Các CTLK trong nước chưa quan tâm đến việc kiểm định nội bộ, bao gồm đánh giá SV, đánh giá hoạt động giảng dạy, các dịch vụ hỗ trợ SV. Nếu việc này được thực hiện, các CTLK sẽ có ích cho SV, GV

và các trường. Bên cạnh đó, chương trình, tài liệu giảng dạy nên được phát triển cả bên đối tác và trường tại Việt Nam hơn là đối tác cung cấp “trọn gói”.

1.1.3 Đánh giá chung và hướng nghiên cứu mới của luận án

Các quan điểm về ĐBCL cho thấy còn nhiều ý kiến khác nhau nhưng cơ bản vẫn là các hoạt động ĐBCL bên trong, ĐBCL bên ngoài hoặc ĐBCL bên trong và bên ngoài cơ sở giáo dục. Ngoài ra, một số quan điểm cho rằng ĐBCL bao gồm cả văn hoá chất lượng, kiểm định chất lượng, số khác thì cho rằng nó độc lập với các phương thức, thủ tục khác nhưng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong một hệ thống.

Các tác giả chưa đề cập đến các văn bản, quy trình, quy định để ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK. Vì vậy, tác giả luận án mong muốn trong khuôn khổ luận án tập trung nghiên cứu hoạt động ĐBCL CTLK theo IPUT và quản lý hoạt động ĐBCL CTLK theo PDCA.

1.2 CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1.2.1 Khái niệm chương trình liên kết

Theo Ziguras và McBurnie (2015), kiểm định chất lượng và khảo thí cấp trường ít được kiểm tra và mang nhiều tính thách thức, việc bảo đảm chất lượng chủ yếu do trường nước ngoài thực hiện.

Theo Becker (2020) định nghĩa CTLK là một chương trình tích hợp, được điều phối và cung cấp bởi nhiều cơ sở GDĐH.

Theo Nguyễn Hữu Cường, Nhan Thị Thuý và Tạ Thị Thu Hiền (2021) CTLK là chương trình được đồng cấp bằng bởi trường nước ngoài và 1 trường đại học Việt Nam.

1.2.2 Khái niệm đảm bảo chất lượng

1.2.2.1 *Chất lượng*

Chất lượng nhằm hướng đến mục tiêu hoàn thành tốt nhất sứ mạng và tầm nhìn của các trường đại học. Chất lượng đáp ứng các mục tiêu của trường đại học đề ra theo quy định của luật.

1.2.2.2 *Đảm bảo chất lượng*

ĐBCL là chủ trương, chính sách của trường nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo được thực hiện liên tục từ đầu vào, quá trình và đầu ra. ĐBCL bao gồm ĐBCL bên

trong và bên ngoài.

1.2.3 Khái niệm đảm bảo chất lượng chương trình liên kết ở trường đại học

Từ khái niệm ĐBCL, với luận án này, nghiên cứu hoạt động ĐBCL CTLK tại trường đại học theo IPUT: yếu tố đầu vào, yếu tố quá trình và yếu tố đầu ra của hoạt động ĐBCL CTLK. Vậy, *hoạt động ĐBCL CTLK là hoạt động có mục đích của trường đại học bao gồm các hoạt động ĐBCL yếu tố đầu vào, yếu tố quá trình và yếu tố đầu ra của CTLK.*

1.2.4 Khái niệm quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết ở trường đại học

1.2.4.1 Quản lý

Quản lý là một hoạt động của con người nhằm đạt được một mục tiêu đề ra. Các khái niệm, định nghĩa về quản lý trên khẳng định chức năng của người quản lý phải đạt được mục tiêu đề ra qua cách tổ chức và sử dụng nguồn lực trong tổ chức hiệu quả. Quản lý có quy trình nhằm hướng đến một khách thể, thay đổi và đạt được mục tiêu đề ra.

1.2.4.2 Quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết

Quản lý hoạt động ĐBCL CTLK là tác động có mục đích của chủ thể quản lý trường đại học đến đến hoạt động ĐBCL CTLK bằng cách áp dụng mô hình PDCA.

1.3 LÝ LUẬN HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1.3.1 Sự cần thiết để đảm bảo chất lượng chương trình liên kết với nước ngoài

Hoạt động ĐBCL CTLK là cần thiết nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

1.3.2 Nội dung hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết ở trường đại học

Có 5 yếu tố: (1) Đầu vào: Người học, cán bộ trong trường, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, quy chế, luật định, tài chính... (2) Quá trình đào tạo: Phương pháp và quy trình đào tạo, quản lý đào tạo... (3) Kết quả đào tạo: Mức độ hoàn thành

khóa học, năng lực đạt được và khả năng thích ứng của người học... (4) Đầu ra: Người tốt nghiệp, kết quả nghiên cứu và các dịch vụ khác đáp ứng nhu cầu kinh tế và xã hội. (5) Hiệu quả: Kết quả của giáo dục đại học và ảnh hưởng của nó đối với xã hội.

1.4 LÝ LUẬN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1.4.1 Tầm quan trọng của quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

Từ luật cho đến nghị định đều có những quy định cụ thể cho việc thực hiện hoạt động ĐBCL ở trường đại học. Việc thực hiện ĐBCL là thực hiện trách nhiệm nâng cao chất lượng đào tạo, giải trình với xã hội, với các bên có liên quan về chất lượng đào tạo của trường. Thực hiện ĐBCL là thực hiện công tác chiến lược cho trường, cơ sở giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển, đáp ứng yêu cầu của pháp luật.

1.4.2 Các chủ thể tham gia quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết ở trường đại học

1.4.2.1. Hiệu trưởng

1.4.2.3 Trưởng các khoa

1.4.2.4 Trưởng các phòng

1.4.3 Nội dung quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết ở trường đại học theo chu trình PDCA

1.4.3.1 Lập kế hoạch (Plan)

Lập kế hoạch (Plan) là xác định được các vấn đề cần thiết để thực hiện ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK, đồng thời xác định mục tiêu cần giải quyết cho việc ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK, xác định các hành động cần thiết để giải quyết việc ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK trong thời gian tới và sau cùng là cần huy động nguồn lực như thế nào để giải quyết vấn đề nêu trên. Các hoạt động cho lập kế hoạch cho đầu vào bao gồm:

Lập kế hoạch hoạt động đầu vào

Lập kế hoạch khảo sát thị trường, lập kế hoạch tuyển sinh, lập kế hoạch đánh giá chất lượng SV đầu vào, lập kế hoạch đánh giá nguồn SV, lập kế hoạch xây dựng

và điều chỉnh chuẩn đầu ra, lập kế hoạch xây dựng và điều chỉnh CTĐT và lập kế hoạch đánh giá khả năng tài chính của SV.

Lập kế hoạch hoạt động quá trình

Lập kế hoạch dạy học đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra và CTĐT, lập kế hoạch ngoài giờ lên lớp, lập kế hoạch hỗ trợ đào tạo, lập kế hoạch hợp tác trong đào tạo đáp ứng yêu cầu của CTĐT và chuẩn đầu ra, Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra, lập kế hoạch nghiên cứu khoa học.

Lập kế hoạch hoạt động đầu ra

Lập kế hoạch công nhận kết quả đào tạo, cấp phát bằng đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra và CTĐT, lập kế hoạch thu thập, xử lý thông tin đầu ra bám sát yêu cầu chuẩn đầu ra, Lập kế hoạch đánh giá chất lượng SV tốt nghiệp sau tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu xã hội.

1.4.3.2 Do: Thực hiện

Thực hiện kế hoạch là phổ biến, triển khai kế hoạch đến từng bộ phận để tiến hành việc ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK.

Thực thi hoạt động đầu vào

Tổ chức, chỉ đạo khảo sát thị trường, tổ chức, chỉ đạo tuyển sinh, tổ chức, chỉ đạo đánh giá chất lượng SV đầu vào, tổ chức, chỉ đạo đánh giá nguồn SV, Tổ chức, chỉ đạo xây dựng và điều chỉnh CĐR, tổ chức, chỉ đạo xây dựng và điều chỉnh CTĐT, Tổ chức, chỉ đạo đánh giá khả năng tài chính của SV

Thực thi hoạt động quá trình

Tổ chức, chỉ đạo dạy học đáp ứng yêu cầu CĐR và CTĐT, tổ chức, chỉ đạo ngoài giờ lên lớp, tổ chức, chỉ đạo hỗ trợ đào tạo, tổ chức, chỉ đạo hợp tác trong đào tạo đáp ứng yêu cầu của CTĐT và CĐR, tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, đánh giá đáp ứng yêu cầu CĐR, tổ chức, chỉ đạo nghiên cứu khoa học

Thực thi hoạt động đầu ra

Tổ chức, chỉ đạo công nhận kết quả đào tạo, cấp phát bằng đáp ứng yêu cầu CĐR và CTĐT, Tổ chức, chỉ đạo thu thập, xử lý thông tin đầu ra bám sát yêu cầu CĐR, Tổ chức, chỉ đạo đánh giá chất lượng SV tốt nghiệp sau tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu xã hội

1.4.3.3 Check: Kiểm tra

Trường tổ chức việc đánh giá việc triển khai các công tác ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK, xác nhận tiến độ hoàn thành so với mục độ mong muốn trên thực tế, so với kế hoạch đặt ra. Quá trình kiểm tra phát hiện những vấn đề phát sinh trong việc ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK để có những biện pháp khắc phục phù hợp.

Kiểm tra, đánh giá hoạt động đầu vào

Kiểm tra, đánh giá hoạt động khảo sát thị trường, Kiểm tra, đánh giá hoạt động tuyển sinh, Kiểm tra, đánh giá hoạt động đánh giá chất lượng SV đầu vào, Kiểm tra, đánh giá hoạt động đánh giá nguồn SV, Kiểm tra, đánh giá hoạt động xây dựng và điều chỉnh CĐR, Kiểm tra, đánh giá hoạt động xây dựng và điều chỉnh CTĐT, Kiểm tra, đánh giá hoạt động đánh giá khả năng tài chính của SV

Kiểm tra, đánh giá hoạt động quá trình

Kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy học đáp ứng yêu cầu CĐR và CTĐT, Kiểm tra, đánh giá hoạt động ngoài giờ lên lớp, Kiểm tra, đánh giá hoạt động hỗ trợ đào tạo, Kiểm tra, đánh giá hoạt động hợp tác trong đào tạo đáp ứng yêu cầu của CTĐT và CĐR, Kiểm tra, đánh giá hoạt động kiểm tra, đánh giá đáp ứng yêu cầu CĐR, Kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học

Kiểm tra, đánh giá hoạt động đầu ra

Kiểm tra, đánh giá hoạt động công nhận kết quả đào tạo, cấp phát bằng đáp ứng yêu cầu CĐR và CTĐT, Kiểm tra, đánh giá hoạt động thu thập, xử lý thông tin đầu ra bám sát yêu cầu CĐR, Kiểm tra, đánh giá hoạt động đánh giá chất lượng SV tốt nghiệp sau tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu xã hội

1.4.3.4 Act: Cải tiến

Cải tiến là hành động loại bỏ những rào cản, bổ sung, điều chỉnh những chi tiết cần thiết, bổ sung những cái còn thiếu để ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK

Cải tiến hoạt động đầu vào

Cải tiến hoạt động khảo sát thị trường, Cải tiến hoạt động tuyển sinh, Cải tiến hoạt động đánh giá chất lượng SV đầu vào, Cải tiến hoạt động đánh giá nguồn SV,

Cải tiến hoạt động xây dựng và điều chỉnh CDR, Cải tiến hoạt động xây dựng và điều chỉnh CTĐT, Cải tiến hoạt động đánh giá khả năng tài chính của SV.

Cải tiến hoạt động quá trình

Cải tiến hoạt động dạy học đáp ứng yêu cầu CDR và CTĐT, Cải tiến hoạt động ngoài giờ lên lớp, Cải tiến hoạt động hỗ trợ đào tạo, Cải tiến hoạt động hợp tác trong đào tạo đáp ứng yêu cầu của CTĐT và CDR, Cải tiến hoạt động Cải tiến đáp ứng yêu cầu CDR, Cải tiến hoạt động nghiên cứu khoa học

Cải tiến hoạt động đầu ra

Cải tiến hoạt động công nhận kết quả đào tạo, cấp phát bằng đáp ứng yêu cầu CDR và CTĐT, Cải tiến hoạt động thu thập, xử lý thông tin đầu ra bám sát yêu cầu CDR, Cải tiến hoạt động đánh giá chất lượng SV tốt nghiệp sau tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu xã hội

1.5 CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1.5.1 Yếu tố thuộc về bên trong trường đại học

1.5.2 Yếu tố thuộc về bên ngoài trường đại học

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1 KHÁI QUÁT VỀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1.1 Khái quát về Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

2.1.2 Khái quát về các chương trình liên kết tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

2.2 TỔ CHỨC KHẢO SÁT THỰC TRẠNG

2.2.1 Mục đích và nội dung khảo sát

Mục đích khảo sát và đánh giá thực trạng hoạt động ĐBCL CTLK, thực trạng quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM để làm cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM.

2.2.2 Địa bàn và khách thể khảo sát

Địa bàn được thực hiện tại Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế - Luật và Trường Đại học Công nghệ Thông tin tại Thành phố Hồ Chí Minh (ngoại trừ Trường Đại học An Giang không có triển khai CTLK).

2.2.3 Khách thể khảo sát

Khách thể khảo sát là các đối tượng có liên quan đến thực hiện quản lý ĐBCL CTLK gồm nhóm CBQL (giám đốc trung tâm/viện đào tạo quốc tế, người quản lý chương trình liên kết) có 87 mẫu, nhóm giảng viên (giảng viên giảng dạy CTLK) có 230 mẫu và nhóm SV (người học CTLK) đang theo học các chương trình này có 507 mẫu

2.3 THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.3.1 Thực trạng về sự cần thiết phải đảm bảo chất lượng đào tạo chương trình liên kết với nước ngoài

Thực trạng sự cần thiết ĐBCL CTLK tại ĐHQG-HCM ở cả mức đánh giá của nhóm CBQL là 4.18 và nhóm GV là 4.26.

Việc thực hiện ĐBCL CTLK cần thực hiện xuyên suốt từ đầu vào, quá trình và đầu ra. Hiện đang thiếu các văn bản và quy trình cho việc thực hiện này.

2.3.2 Thực trạng mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả của hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết với nước ngoài trình độ đại học tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Điểm trung bình dao động cho hai đối tượng nhóm CBQL và nhóm GV lần lượt là 3.84 và 4.16.

2.4 THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

2.4.1 Thực trạng về tầm quan trọng của quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

Phân tích thực trạng về tầm quan trọng ĐBCL CTLK cho ta thấy được thực trạng mức độ Đồng ý trong việc quản lý hoạt động ĐBCL CTLK trong hệ thống ĐHQG-HCM với điểm trung bình thấp nhất là 4.0 và cao nhất là 4.19.

2.4.2 Thực trạng mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả của quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết trình độ đại học tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Phân tích thực trạng về tầm quan trọng ĐBCL CTLK cho ta thấy được thực trạng mức độ Đồng ý trong việc quản lý hoạt động ĐBCL CTLK trong hệ thống ĐHQG-HCM với điểm trung bình thấp nhất là 4.0 và cao nhất là 4.19.

2.4.3 Thực trạng mức độ ảnh hưởng của chương trình liên kết đến các đơn vị của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Phân tích thực trạng mức độ ảnh hưởng của CTLK đến các đơn vị của ĐHQG-HCM về mặt chương trình là Khá ảnh hưởng. DLC của bảng phân tích thấy rõ ở cả nhóm GV và nhóm CBQL, ĐTB đều < 1 , chứng tỏ đánh giá có độ tập trung cao. Các tiêu chí có sự tập trung cao, không phân tán giữa nhóm CBQL và nhóm GV với Independent sample T-test > 0.05 . Tiêu chí 4 có sự khác biệt giữa nhóm CBQL và nhóm GV với Independent sample T-test < 0.05 .

2.5 CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT

2.5.1 Thực trạng yếu tố bối cảnh

Phân tích thực trạng các yếu tố bối cảnh ảnh hưởng khá đến hoạt động ĐBCL CTLK bậc đại học với mức trung bình là 4.07. Do đó, ĐHQG-HCM cần tính đến các yếu tố này khi thực hiện việc triển khai CTLK với các đối tác. Độ lệch chuẩn của bảng phân tích thấy rõ ở cả nhóm CBQL và nhóm GV, điểm trung bình đều < 1 , chứng tỏ đánh giá có độ tập trung cao.

2.5.2 Yếu tố bên trong và bên ngoài trường đại học

2.5.2.1 Yếu tố bên trong trường đại học

Phân tích thực trạng các yếu tố bên trong nhà trường ảnh hưởng khá rõ rệt đến hoạt động ĐBCL của các CTLK bậc đại học, các yếu tố này thấy rõ ở nhóm CBQL với điểm trung bình là 3.88 và ở nhóm GV với ĐTB thấp nhất là 4.14

2.5.2.2 Yếu tố bên ngoài trường đại học

Phân tích thực trạng các yếu tố bên ngoài nhà trường ảnh hưởng khá rõ rệt đến hoạt động ĐBCL CTLK bậc đại học với điểm trung bình lần lượt là 3.93 và 4.11.

2.6 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG

2.6.1 Ưu điểm

Các CTLK trình độ đại học tại ĐHQG-HCM là cần thiết cho toàn hệ thống trong bối cảnh quốc tế hoá GDDH ngày càng diễn ra mạnh mẽ ở tất cả các nước. Việc ĐBCL CTLK là cần thiết, là cơ chế để bảo vệ người học, người giảng dạy, đáp ứng yêu cầu của các bên có liên quan, tránh các phiền phức không đáng có như bằng cấp

không được công nhận vv...

Qua khảo sát thực trạng, đa phần các CTLK được bảo đảm về mặt chất lượng thông qua các tiêu chí mà nhóm CBQL và nhóm GV cũng như nhóm SV đánh giá và cho điểm rất cao.

Việc ĐBCL được thực thi từ đầu vào, cho đến quá trình thực hiện, kiểm tra đánh giá và đưa ra các biện pháp cải tiến. Bốn bước này được thực hiện một cách logic cho hai đối tượng là nhóm CBQL và nhóm GV.

Các CTLK được giảng dạy trên nhiều lĩnh vực, tạo điều kiện cho người học tiếp cận được các CTĐT tiên tiến trên thế giới.

Hỗ trợ các đơn vị thành viên một số mặt như tài chính, đội ngũ giảng dạy quốc tế hoá CTĐT, đội ngũ cán bộ vv....

2.6.2 Hạn chế

Các CTLK chưa có các điều kiện, tiêu chí rõ ràng để thực hiện việc ĐBCL. Nhận thức của nhóm CBQL và nhóm GV chưa được tốt về việc thực hiện ĐBCL CTLK, thiếu văn bản, quy định và quy trình chưa rõ ràng.

Hiện việc thực hiện ĐBCL CTLK thiếu bộ công cụ, văn bản, chương trình, bảng chỉ tiêu đánh giá việc thực hiện. Thiếu sự chỉ đạo của BGH trong việc nâng cao nhận thức của nhóm CBQL và nhóm GV trong việc thực hiện ĐBCL CTLK thông qua các cuộc họp giao ban chuyên đề, các khoá đào tạo, tập huấn

Hiện các chủ thể có liên quan chưa thấy được sự chỉ đạo sát sao từ BGH trong việc thực hiện ĐBCL CTLK. Do đó, để công tác ĐBCL được thực hiện xuyên suốt từ trên xuống dưới đòi hỏi phải có sự đầu tư thời gian của BGH, của Phòng ĐBCL, Viện/Trung tâm Đào tạo Quốc tế. Công tác chỉ đạo, nâng cao nhận thức cho các đối tượng có liên quan có thể được thực hiện qua các buổi họp giao ban chuyên đề về ĐBCL CTLK, qua các buổi tập huấn với việc mời các chuyên gia đến trình bày, tập huấn nội bộ từ Phòng ĐBCL.

2.6.3 Nguyên nhân

Các CTLK được giảng dạy theo các nội dung mà phía đối tác đề xuất (do trường đối tác cấp bằng), nên việc đổi mới phương pháp giảng dạy cũng như việc tăng cường năng lực cho GV qua các chương trình này là khó thực hiện. Nhóm GV

tham gia chương trình chỉ thực hiện theo nội dung mà phía trường đối tác đề xuất, đồng thời việc thực hiện ĐBCL CTLK chỉ do phía đối tác thực hiện. Trong khi đó, các cơ quan kiểm định trong nước chưa đủ khả năng, chưa tăng cường được hợp tác quốc tế để có thể tiến hành kiểm định các chương trình này (Damme, 2002).

Thiếu sự chỉ đạo của BGH trong việc nâng cao nhận thức của nhóm CBQL và nhóm GV trong việc thực hiện ĐBCL CTLK thông qua các cuộc họp giao ban chuyên đề, các khoá đào tạo, tập huấn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1 CÁC NGUYÊN TẮC ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục tiêu

3.1.2 Nguyên tắc đảm bảo tính lý luận

3.1.3 Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn

3.1.4 Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống

3.1.5 Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

3.2 CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ ĐỀ XUẤT NHẪM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.2.1 Biện pháp chú trọng nâng cao nhận thức của nhóm cán bộ quản lý và nhóm giảng viên

Chú trọng khả năng nhận thức của nhóm CBQL và nhóm GV trong việc thực hiện quản lý hoạt động ĐBCL CTLK thông qua các khoá đào tạo, tập huấn

3.2.2 Nhóm biện pháp tăng cường lập kế hoạch (Plan) đảm bảo chất lượng chương trình liên kết

Hiện việc thực hiện kế hoạch để ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK tại Trường Đại học Kinh tế - Luật chưa được thực hiện hoặc thực hiện không được thường xuyên theo yêu cầu nhằm đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của công tác ĐBCL CTLK, công tác quản lý hoạt động ĐBCL CTLK.

3.2.3 Nhóm biện tổ chức (Do) thực hiện đảm bảo chất lượng chương trình liên kết

Phân định rõ trách nhiệm của CBQL, GV trong việc thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp nhằm ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK.

3.2.4 Nhóm biện kiểm tra (Check) quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết

Tăng cường kiểm tra việc nhóm CBQL và nhóm GV thực hiện tốt nhất việc

ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK

3.2.5 Nhóm biện pháp cải tiến chất lượng (Act) quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình liên kết

Xác định vấn đề cần cải tiến để ĐBCL CTLK, cải tiến quản lý hoạt động ĐBCL CTLK.

3.3 KHẢO NGHIỆM TÍNH CẤP THIẾT VÀ KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP ĐỀ XUẤT

3.3.1 Mục đích

3.3.2 Nội dung

3.3.3 Phương pháp khảo sát

3.3.4 Địa bàn và khách thể khảo sát

3.3.5 Kết quả khảo sát

3.4 THỰC NGHIỆM MỘT BIỆN PHÁP ĐỀ XUẤT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT (ĐHQG-HCM)

3.4.1 Cơ sở lựa chọn biện pháp thực nghiệm

Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM đang triển khai tổng số 10 CTLK, trong đó có 6 CTLK bậc đại học với các đối tác Anh và Pháp.

3.4.2 Mục đích và nội dung thực nghiệm

Nhóm biện pháp chú trọng nâng cao nhận thức của nhóm CBQL, nhóm GV về quản lý hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài với biện pháp là Tăng cường nhận thức của nhóm CBQL, nhóm GV trong việc thực hiện ĐBCL CTLK, quản lý hoạt động ĐBCL CTLK thông qua khóa đào tạo, tập huấn.

3.4.3 Giả thuyết thực nghiệm

Nếu thực hiện nhóm biện pháp “chú trọng nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên về quản lý hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài” với biện pháp cụ thể “**Tăng cường nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên trong việc thực hiện ĐBCL CTLK thông qua các khóa đào tạo, tập huấn**” thì hoạt động ĐBCL CTLK và quản lý hoạt động ĐBCL CTLK được cải thiện và nâng cao, đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHQG-HCM và của đơn vị triển khai các CTLK.

3.4.4 Địa bàn và thời gian thực nghiệm

Địa bàn: Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM.

Thời gian: Học kỳ hè, năm học 2022 – 2023.

3.4.5 Cách tiến hành thực nghiệm

3.4.6 3.4.6 Kết quả thực nghiệm

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

2. KHUYẾN NGHỊ

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.2 Đối với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
2.3. Đối với các trường thành viên của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

2.3. Đối với các trường thành viên của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

2.4. Đối với Phòng Hợp tác Quốc tế/Quan hệ Đối ngoại, Trung tâm Đào tạo quốc tế/Viện Đào tạo Quốc tế của các đơn vị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

2.5. Đối với cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên chương trình liên kết các đơn vị của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN CỦA TÁC GIẢ

1. Lê Văn Hinh, Đỗ Đình Thái, Nguyễn Văn Y (2020), Các chương trình liên kết đang triển khai tại Việt Nam và khuyến nghị chính sách, trang 140, số đặc biệt, Tạp chí giáo dục
2. Lê Văn Hinh (2023), Thực trạng triển khai các chương trình liên kết quốc tế trình độ cử nhân tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, trang 243, Tập 23, số đặc biệt 6, Tạp chí giáo dục.
3. Lê Văn Hinh (2023), Thực trạng triển khai các chương trình liên kết quốc tế bậc đại học và sau đại học tại ĐHQG-HCM, trang 330, Tập 23, số đặc biệt 10, Tạp chí giáo dục.
4. Lê Văn Hinh (2023), Một số vấn đề về nhập khẩu giáo dục qua triển khai chương trình liên kết quốc tế và khuyến nghị cho các trường đại học ở Việt Nam, trang 336, Tập 23, Số đặc biệt 11, Tạp chí giáo dục.